



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 088-290

VEWL.#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DINH VINH
Last Middle First

Current Address: 177 NGUYEN CHI THANH, Q.5 SAIGON

Date of Birth: DEC. 5, 1940 Place of Birth: HUE, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) MAJOR, CHIEF MILITARY JUDICIARY SUBDIVISION
(Rank & Position) RVN HEADQUARTERS

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY 1975 To 11 JAN 1984
Years: 8 Months: 9 Days:

3. SPONSOR'S NAME: MO DINH NGUYEN

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

QUE DINH NGUYEN

BROTHER

* PLEASE DIRECT ALL TELEPHONE COMMUNICATIONS
TO MY BROTHER QUE NGUYEN. I AM A TRAVELING
SALESMAN. THANK YOU.

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Oct 20, 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN , VINH DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH , TUYET THI	Jul 19 , 1948	WIFE
NGUYEN , CANH-VIEN DINH	JUN 18, 1973	SON
NGUYEN , LAM DINH	Nov 21 , 1986	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 088-290

VEWL.#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DINH VINH
Last Middle First

Current Address: 177 NGUYEN CHI THANH, Q.5 SAIGON

Date of Birth: DEC. 5, 1940 Place of Birth: HUE, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) MAJOR, CHIEF MILITARY JUDICIARY SUBDIVISION
(Rank & Position) RVN HEADQUARTERS

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY 1975 To 11 JAN 1984
Years: 8 Months: 9 Days:

3. SPONSOR'S NAME: MO DINH NGUYEN

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>QUE DINH NGUYEN</u>	<u>BROTHER</u>

* PLEASE DIRECT ALL TELEPHONE COMMUNICATIONS
TO MY BROTHER QUE NGUYEN, I AM A TRAVELING
SALESMAN. THANK YOU.

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Oct 20, 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN, VINH DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TUyet THI <u>HUYNH</u>	JUL 19, 1948	SPOUSE
NGUYEN, CANH-VIEN DINH	JUNE 18, 1973	SON
NGUYEN, LAM DINH	NOV 21, 1986	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DINH VINH
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : DECEMBER 5 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 177 NGUYEN-CHI THANH
 (Dia chi tai Viet-Nam)
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1984
 PLACE OF RE-EDUCATION: ALL OVER VIETNAM - LAST ONE AT GIA-TRUNG
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): CU' - NHAN LUAT KHOA - (LLB.)
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): CHIEF, MILITARY JUDICIARY
SUBDIVISION Date (nam): 1974-1975
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong): _____
 IV Number (So ho so): 088-290
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): (3) BA
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 177 NGUYEN CHI THANH
Q5, SAIGON
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
MO D. NGUYEN
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): ANH BUOT
 NAME & SIGNATURE: MO D. NGUYEN [Signature]
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT:
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai qua nguoi dien don nay)
 Xin goi Anh toi, B. Nguyen Dinh Quô' vi-toi di chuyên thường xuyên (Traveling Salesman). Xin cam ơn
 DATE: _____
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
Oct 20 1987

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN, VINH DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TUYET THI HUYNH	JUL 19, 1948	SPOUSE
NGUYEN, CANH-VIEN DINH	JUNE 18, 1973	SON
NGUYEN, LAM DINH	NOV 21, 1986	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DINH VINH
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : DECEMBER 5 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 177 NGUYEN-CHI THANH
 (Dia chi tai Viet-Nam)
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1984
 PLACE OF RE-EDUCATION: ALL OVER VIETNAM - LAST ONE AT GIA-TRUNG
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): Cử nhân Luật Khoa - (LL.B.)
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): CHIEF, MILITARY JUDICIARY
SUBDIVISION Date (nam): 1974-1975
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong): _____
 IV Number (So ho so): 088-290
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): (3) BA
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 177 NGUYEN CHI THANH
Q5, SAIGON
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
MO D. NGUYEN
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): ANH BUỐT
 NAME & SIGNATURE: MO D. NGUYEN [Signature]
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
 Xin gọi Anh tôi, Đ. Nguyễn Đình Quê' vì tôi di chuyển thường xuyên (Traveling Salesman). Xin cảm ơn
 DATE: _____
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
Oct 20 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN , VINH DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH , TUYET THI	JUL 19 , 1948	WIFE
NGUYEN , CANH-VIEN DINH	JUN 18 , 1973	SON
NGUYEN , LAM DINH	NOV 21 , 1986	SON

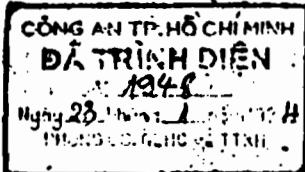
DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
CỤC QL. VÀ CTPL
-1-
TRAI GIA TRUNG.
Số: 22/1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.
-x-x-x-x-

Gia Trung, Ngày 11 tháng 01 năm 1984



SHSL

0:0:0:3:4:8:0:2:7:1:2

GIẤY RA TRẠI

135

Căn cứ chỉ thị số 316/TC ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đang chờ phân động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số: 112 ngày 4 tháng 12 năm 1983 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH VINH sinh năm: 1940

Sinh quán: Thị trấn

Trú quân: 177 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Số lính: 60/141.295 Cấp bậc: Thiếu tá

Chức vụ: Đứng tiền ban quân sự BTM

Trong hồ sơ chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền phân động chế độ cũ.

Lý do trả: Cải tạo nhà

Khi về phải thực hiện trình bày giấy này với ủy ban phân công an xã, phường thuộc huyện, quận 05 tỉnh

thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhận định tình hình về việc quản chế về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời gian quản chế: 12 (Mười hai) tháng

- Thời gian bị quản: 04 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 200.000

Lãnh ngôn tay trở mặt: Chữ ký của người

- Cũn: Nội Thị Vinh được cấp giấy

- Danh ban gố: 6465 Vinh

- Lập tại: Quận Pháp

- Còn: Nguyễn Đình Vinh



THIẾT TÁ
LÊ HỮU PHÚC

Kính nhân.

Đã có đến trình giấy
ra trừ tại công an

Pio 25 lúc 8h00.

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 1984

TM. 010 110 05



Trưởng Công An

Đặng Văn Tấn

Đã trình đến to

Cô

Ngày 28

01

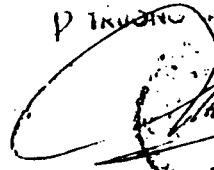
04

00

12 Tháng

P. Trưởng

N. Q. 5



Thiếu tá Công An

PARIS, 20 Oct 89

Thưa Quý Vị -
Nếu Quý Hội - VIÊN NGUYỄN -
XUÂN - LAN LA BÀ LÊ - LAI
THÌ XIN VUI LONG CHO TÔI
GỎI? LỜI THÂM. CHÚNG TÔI,
LA BÀ CON, VÀ BAN HỌC CỦA
Đ. LÊ - LAI (VOA).

XIN CẢM ƠN

Ngô Văn Quyền

Đã gửi đến
CO. TO
AL
12 Tháng
P. THƯỜNG
M. 05

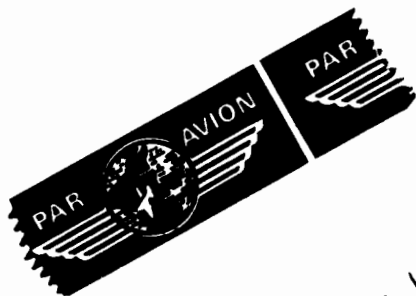
22/10/89

Thư gửi
M. 05
12/10/89
Thư gửi
M. 05
12/10/89

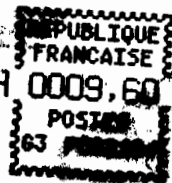
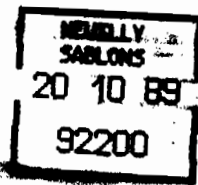
Vào nhận
12/10/89
M. 05
12/10/89
Thư gửi
M. 05
12/10/89

Thi 11/10

67 Rue C. LAFFITE



AIR MAIL



VPPA

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

U.S.A.